

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: VND

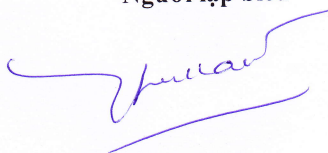
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		569.559.558.865	515.323.633.299
03	2. Các khoản giảm trừ		18.483.535	11.685.433
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	569.541.075.330	515.311.947.866
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	515.051.466.102	454.728.872.568
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.489.609.228	60.583.075.298
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	12.051.742.401	10.009.362.212
22	7. Chi phí tài chính	6.4	320.050.000	29.409.328
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	27.665.828
24	8. Chi phí bán hàng	6.5	20.383.996.682	17.599.801.272
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	14.968.786.217	17.838.170.785
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.868.518.730	35.125.056.125
31	11. Thu nhập khác	6.7	1.470.700.840	109.059.988
32	12. Chi phí khác	6.8	298.318.042	5.423.037
40	13. Lợi nhuận khác		1.172.382.798	103.636.951
50	14. Lợi nhuận/lỗ của công ty liên kết, liên doanh		-	-
60	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.040.901.528	35.228.693.076
61	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.9	8.090.211.691	6.175.878.867
62	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.10	11.363.637	11.363.637
70	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		23.939.326.200	29.041.450.572
	Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập của cổ đông của công ty mẹ		23.939.326.200	29.041.450.572
71	19. Lợi nhuận từ hoạt động thông thường		23.939.326.200	29.041.450.572
80	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.11	6.840	14.224

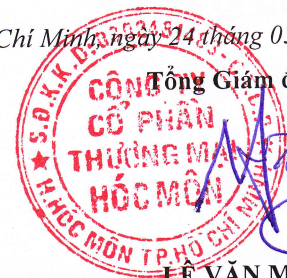
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ THU VÂN

LÊ THỊ MỘNG ĐIỆP

LÊ VĂN MỸ